

**Phụ lục II**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU**  
**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /11/2022  
của UBND tỉnh Nam Định)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

**1. Nguồn phát sinh bụi, khí thải**

- Nguồn số 01: Khí thải, hơi hoá chất phát sinh từ hoạt động tráng phủ bề mặt kim loại.
- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ quá trình đốt dầu DO.

**2. Dòng bụi, khí thải, vị trí xả**

- Số lượng dòng khí thải đề nghị cấp phép: 02 dòng khí thải.
- Lưu lượng xả khí thải tối đa và vị trí xả khí thải

TT	Vị trí hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải	Lưu lượng (m <sup>3</sup> /h)	Tọa độ		Ghi chú
			X	Y	
1	Khí thải, hơi hoá chất phát sinh từ hoạt động tráng phủ bề mặt kim loại	7.000	2249988	555192	
2	Khí thải phát sinh từ quá trình đốt dầu DO (Dự án đầu tư 02 hệ thống, trong đó 01 hệ thống hoạt động thường xuyên, 01 hệ thống dự phòng)	2.000	2250004	555185	
			2250012	555213	Dự phòng

- Phương thức xả thải: Cường bức.
- Chế độ xả khí thải: Gián đoạn.
- Chất lượng khí thải trước khi thải ra ngoài môi trường phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt QCVN 19:2009/BTNMT (B) (áp dụng hệ số  $K_p = 1$ ,  $K_v = 1$ ), cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép (cột B), $C_{max} = C$ QCVN 19:2009/BTNM
<b>I</b>	<b>Đối với hệ thống xử lý khí thải từ quá trình đốt dầu DO</b>		
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-
2	Nhiệt độ	°C	-
3	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	200
4	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	500
5	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	850
6	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1.000

II	<b>Đối với hệ thống xử lý khí thải, hơi hoá chất phát sinh từ hoạt động tráng phủ bề mặt kim loại</b>		
1	Lưu lượng	m <sup>3</sup> /h	-
2	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	200
3	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	500
4	NO <sub>x</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	850
5	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	1.000
6	HCl	mg/Nm <sup>3</sup>	50
7	Zn	mg/Nm <sup>3</sup>	30

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

#### a) Hệ thống thu gom khí thải từ quá trình đốt dầu DO

Khí thải và nhiệt dư do đốt dầu DO từ bể nung kẽm theo đường hào dẫn nhiệt dẫn sang bể trợ dung để tận dụng nhiệt dư. Để thu gom khí thải phát sinh từ quá trình đốt dầu DO, tại bể trợ dung Chủ dự án bố trí 02 ống phóng không (trong đó có 01 ống dự phòng trường hợp sửa chữa hoặc sự cố). Ống phóng không làm bằng thép chống gỉ D300 với chiều cao 15,05 m so với mặt đất. Phía chân ống bố trí 01 bộ lọc than hoạt tính để hấp phụ các chất ô nhiễm, bộ lọc được xây bằng gạch chịu lửa (kích thước 1,54×1,45 m), bên trong bố trí khay chứa than hoạt tính (kích thước 1,2×1,2×0,5 m), chiều dày lớp than hoạt tính khoảng 30 cm.

#### b) Hệ thống thu gom bụi, khí thải từ hoạt động tráng phủ bề mặt kim loại

Chủ dự án bố trí 02 chụp hút khí thải, trong đó 01 chụp hút bằng thép không gỉ đặt phía cuối bể tẩy gỉ, 01 chụp hút bằng thép không gỉ đặt phía cuối bể nung kẽm. Khoảng cách giữa bể tẩy gỉ và bể nung kẽm là 10 m. Từ 2 chụp hút khí thải được dẫn về 01 đường ống dẫn khí thải chung đường kính D300 nhờ 01 quạt hút có tổng công suất 7.000 m<sup>3</sup>/h đặt cuối đường ống. Từ đường ống dẫn khí thải chung, khí thải được dẫn về 01 hệ thống xử lý khí thải để xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) trước khi thải ra ngoài môi trường qua 01 ống khói cao 14,5 m so với mặt đất.

### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

#### a) Đối với khí thải từ quá trình đốt dầu DO

- Chủ dự án đã đầu tư 02 hệ thống xử lý khí thải từ quá trình đốt dầu DO (trong đó 01 hệ thống hoạt động, 01 hệ thống dự phòng) với quy trình xử lý như sau: Khí thải → Ống dẫn khí → Bộ lọc than hoạt tính → Khí sau xử lý đạt quy

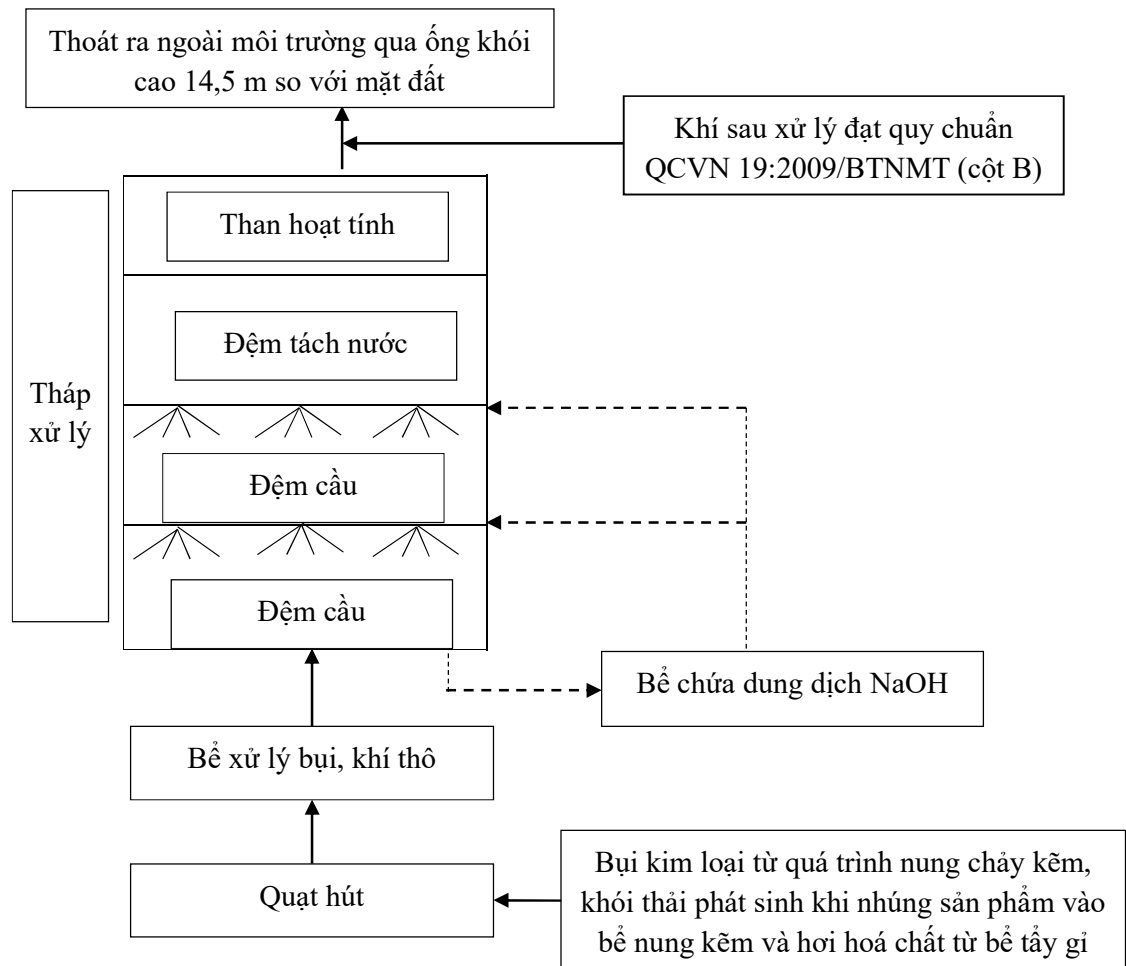
chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) sẽ thoát ra ngoài môi trường qua ống phóng không cao 15,05 m so với mặt đất.

- Sàn thao tác lấy mẫu, vị trí lỗ lấy mẫu theo quy định của Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Vật liệu sử dụng: Than hoạt tính 100 kg/lần (Định kỳ 06 tháng/lần thay than hoạt tính).

b) Đối với bụi, khí thải từ hoạt động tráng phủ bề mặt kim loại

- Chủ dự án đã đầu tư 01 hệ thống xử lý khí thải từ hoạt động tráng phủ bề mặt kim loại với quy trình xử lý như sau:



- Vật liệu sử dụng: NaOH 83 kg/tháng; than hoạt tính 100 kg/lần (định kỳ 06 tháng/lần thay than hoạt tính).

### 1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Đối với hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ quá trình đốt dầu DO, Chủ dự án lắp đặt bổ sung có 01 hệ thống xử lý dự phòng trường hợp sửa chữa hoặc gặp sự cố. Khi xảy ra sự cố, chủ dự án sẽ tạm dừng hoạt động và sử dụng hệ thống xử lý khí thải dự phòng. Sau khi sự cố khắc phục, chủ dự án sẽ cho hoạt động vận hành trở lại.

- Đối với hệ thống xử lý khí thải từ hoạt động tráng phủ bề mặt kim loại: Khi hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố, Chủ dự án sẽ tạm dừng hoạt động sản xuất để kiểm tra và khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong sự cố mới hoạt động sản xuất trở lại.

## **2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

### 2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Từ ngày 20/12/2022 đến 20/3/2023.

### 2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

#### 2.2.1. Vị trí lấy mẫu

Tại 03 lỗ kỹ thuật trên thân 03 ống phóng không, sau 03 hệ thống xử lý khí thải (02 hệ thống xử lý khí thải từ đốt dầu DO và 01 hệ thống xử lý khí thải từ hoạt động tráng phủ bề mặt kim loại).

#### 2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Như nêu tại mục 2 phần A.

### 2.3. Tần suất lấy mẫu

Tiến hành lấy mẫu tại 03 lỗ kỹ thuật trên thân 03 ống phóng không, sau 03 hệ thống xử lý khí thải (02 hệ thống xử lý khí thải từ đốt dầu DO và 01 hệ thống xử lý khí thải từ hoạt động tráng phủ bề mặt kim loại) trong 03 ngày liên tiếp. Tần suất lấy mẫu 01 ngày/lần.

## **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của lò đốt dầu DO và từ hoạt động tráng phủ bề mặt kim loại bảo đảm xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B) (Áp dụng hệ số  $K_p = 1$ ;  $K_v = 1$ ) trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Trồng cây xanh đảm bảo tỷ lệ theo quy hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

### 3.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với giấy phép đã được cấp, phải báo cáo về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành các hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Ý Yên, Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng Đại Phong để kịp thời xử lý./.